

Hệ thống tài chính xanh của Anh, Trung Quốc và Việt Nam

Trần Thị Vân Anh¹

Tóm tắt: Hiện nay, xây dựng hệ thống tài chính xanh là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của nhiều quốc gia trên thế giới. Hệ thống tài chính xanh sẽ làm tăng tính hiệu quả của nguồn vốn trong nền kinh tế. Bài viết phân tích thực trạng xây dựng hệ thống tài chính xanh ở Anh, Trung Quốc và Việt Nam, trên cơ sở đó đưa ra các hàm ý chính sách cho Việt Nam. Đó là: cần kết hợp với chiến lược phát triển xanh cũng như chiến lược phát triển chung của chính phủ; cần triển khai hệ thống tài chính xanh theo hướng cho phép các đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tài chính tiền tệ; cần đánh giá hệ thống tài chính xanh dưới góc độ lợi ích và chi phí; cần hỗ trợ nâng cao ý thức bảo vệ môi trường (BVMT) của người tiêu dùng thông qua việc thay đổi thói quen tiêu dùng hàng hóa và sản phẩm xanh.

Từ khóa: Hệ thống tài chính xanh; kinh tế xanh.

Abstract: The development of green financial systems is currently one of the key tasks in the economic development strategies of many countries in the world. Such systems will enhance the efficiency of capital in the economy. In the article, the author analyses the current situation of building the systems in the United Kingdom, China and Vietnam, which serves as the basis for policy implications for the latter. The implications are that it is necessary: that the green financial system be combined with the green growth strategy and the overall development strategy of the government; to implement the system towards facilitating the institutions that operate in the finance-monetary fields; to assess the system from the perspectives of cost and benefit; to assist the raising of consumers' awareness towards environmental protection by changing the consumption habits towards consuming green goods and products.

Keywords: Green financial system; green economy.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh khủng hoảng sinh thái hiện nay nhiều quốc gia đang tiến hành chuyển đổi từ mô hình kinh tế nâu truyền thống sang nền kinh tế xanh thân thiện với môi trường. Tuy nhiên thực hiện xanh hóa nền kinh tế đòi hỏi nguồn lực không nhỏ; bởi vậy huy động nguồn lực để triển khai việc xanh hóa nền kinh tế là một nhiệm vụ quan trọng.

Bản Thỏa thuận chống biến đổi khí hậu toàn cầu đã được chính thức thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh Liên Hợp Quốc (COP21) ở Pháp vào cuối năm 2015. Đây là một văn bản mang tính lịch sử vì lần đầu tiên tất cả 196 quốc gia tham gia Công ước Khung của Liên Hợp Quốc về chống biến đổi khí hậu (UNFCCC) đã đi đến một

¹ Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội. ĐT: 01258847676. Email: anhttv@yahoo.com

Thỏa thuận buộc tất cả các nước cắt giảm lượng phát thải khí carbon. Bản Thỏa thuận một phần mang tính ràng buộc pháp lý, một phần mang tính tự nguyện với mục tiêu quan trọng nhất là giữ mức tăng nhiệt độ toàn cầu trong thế kỷ này dưới 2 độ C, rồi tiếp đó cùng thúc đẩy nỗ lực để xuống còn 1,5 độ C so với thời kỳ tiền công nghiệp; đồng thời quy định rằng, để giúp các nước đang phát triển chuyển từ việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang các nguồn năng lượng xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu, các nước phát triển sẽ cung cấp 100 tỷ USD/năm.

Như vậy, để thực hiện được những mục tiêu của bản Thỏa thuận này thì xu hướng tất yếu của nền kinh tế thế giới là phải chuyển đổi từ mô hình kinh tế nâu truyền thống sang nền kinh tế xanh thân thiện với môi trường. Tuy nhiên thực hiện xanh hóa nền kinh tế đòi hỏi nguồn lực không nhỏ bởi vì áp dụng các công nghệ xanh trong nhiều trường hợp có chi phí cao hơn so với những công nghệ thông thường. Do đó, để có thể thuận lợi xây dựng một nền kinh tế xanh thì cần thiết phải thành lập một hệ thống tài chính xanh.

Hiện nay chưa có một khái niệm được công nhận chính thức, song có thể hiểu theo nghĩa rộng thì tài chính xanh là một tập hợp đầy đủ các hình thức tài trợ cho công nghệ, dự án, ngành công nghiệp hay doanh nghiệp thân thiện với môi trường, hoặc theo nghĩa hẹp sẽ thể hiện bằng một nhóm sản phẩm và dịch vụ tài chính thân thiện với môi trường. Đặc điểm chung trong hoạt động tài chính xanh là chú trọng tới các giá trị của môi trường thiên nhiên và những nguồn lực tự nhiên; qua đó cải thiện phúc lợi và công

bằng xã hội, giảm bớt rủi ro đối với môi trường và tăng cường sự cân bằng sinh thái. Tài chính xanh cũng có thể bao hàm đầu tư có trách nhiệm với môi trường và đầu tư giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu.

Quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế theo hướng xanh hơn sẽ đưa lại những lợi ích đáng kể cho toàn thế giới. Ví dụ như đối với nền kinh tế toàn cầu thì 2,3 triệu việc làm trong lĩnh vực năng lượng tái tạo hiện nay sẽ tăng lên 20 triệu vào năm 2030, thị trường cấp nước, vệ sinh sẽ tăng từ 253 tỷ USD lên 658 tỷ USD vào năm 2020. Dự án các toà nhà xanh tại Liên minh Châu Âu (EU) và Mỹ sẽ tạo ra 2 - 3,5 triệu việc làm. Trung Quốc sẽ có khoảng 10 triệu việc làm trong lĩnh vực tái chế và năng lượng tái tạo với doanh thu 17 tỷ USD/năm, trong khi số lao động ở Đức làm việc trong lĩnh vực này đã lên tới 400.000 người. Đối với Hàn Quốc thì con số việc làm 481.000 trong ngành công nghệ xanh năm 2012 sẽ tăng lên 1,18 triệu việc làm trong năm 2020. Để thúc đẩy các mục tiêu tăng trưởng xanh, các nước thành viên Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) có kế hoạch thực hiện các biện pháp như giảm 45% cường độ sử dụng năng lượng của APEC vào năm 2035 so với năm 2005, kết hợp chiến lược phát triển duy trì độ carbon thấp vào kế hoạch tăng trưởng kinh tế thông qua Dự án Thành phố mẫu carbon thấp. Trong Chiến lược năng lượng tới năm 2030, Chính phủ EU đã công bố mục tiêu giảm khí thải carbon xuống mức 20% vào năm 2020 và 40% vào năm 2030. Tuy nhiên theo nghiên cứu của Cơ quan năng lượng quốc tế (IEA) và Báo cáo kinh tế xanh của Chương trình Môi trường Liên

Hợp Quốc (UNEP), để giảm $\frac{1}{2}$ lượng tiêu thụ năng lượng trên toàn thế giới tới năm 2050 cần một lượng đầu tư bổ sung hàng năm ước tính lên tới 1 - 2,5% tổng sản phẩm trong nước (GDP) toàn thế giới. Như vậy việc xanh hóa hệ thống tài chính hiện hành sẽ cho phép các quốc gia thuận lợi hơn trong việc huy động nguồn vốn cần thiết thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh của mình.

Hệ thống tài chính xanh cũng có chức năng chính như hệ thống tài chính thông thường. Đó là luân chuyển vốn từ người tiết kiệm tới nhà đầu tư và do đó làm tăng tính hiệu quả của nguồn vốn trong nền kinh tế. Tuy nhiên sự khác biệt nằm trong đặc điểm của các thành phần tham gia vào quá trình luân chuyển vốn. Nguồn vốn xanh được huy động sẽ luân chuyển theo kênh tài chính gián tiếp thông qua các trung gian tài chính xanh và kênh tài chính trực tiếp thông qua thị trường tài chính xanh để được sử dụng vào các mục tiêu xanh. Việc nhìn nhận thực tiễn tại một số quốc gia trong thời gian vừa qua sẽ giúp đưa ra một số hàm ý chính sách xây dựng hệ thống tài chính xanh nhằm hỗ trợ cho quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh thân thiện với môi trường.

2. Hệ thống tài chính xanh của Anh

Chính phủ Anh đóng vai trò tích cực trong việc thiết lập hệ thống tài chính xanh thể hiện qua việc trực tiếp tham gia vào quá trình huy động nguồn vốn xanh. Cụ thể như Chính phủ Anh đã xây dựng cơ chế tài trợ trực tiếp cho các dự án đầu tư xanh, thực hiện bảo lãnh của Chính phủ cho các dự án cơ sở hạ tầng xanh cũng như tham gia tài

trợ cho các quỹ bảo vệ môi trường nhằm các mục tiêu: hình thành và đảm bảo nguồn tài trợ cho các ngành công nghiệp xanh và tăng trưởng bền vững; phát triển các sản phẩm tài chính mới hỗ trợ cho một nền kinh tế carbon; thu hút các nguồn đầu tư tư nhân để xây dựng và duy trì cơ sở hạ tầng xanh; hỗ trợ triển khai các thông lệ quản lý xanh đối với khu vực doanh nghiệp và tăng cường tài trợ cho các doanh nghiệp áp dụng những thông lệ đó; thiết lập thị trường đối với hàng hóa và dịch vụ môi trường.

Việc triển khai hệ thống tài chính xanh còn thể hiện cam kết của Chính phủ Anh trong chiến lược phát triển chung của mình. Các khoản đầu tư xanh thường dài hạn và là sản phẩm giao thoa của khu vực tài chính, các biện pháp cải thiện môi trường và tăng trưởng kinh tế nên các nhà đầu tư không chỉ muốn có những chính sách ổn định mà còn mong muốn biết thời điểm Chính phủ ra chính sách, cũng như có khả năng phán đoán được hướng đi của chính sách tương lai. Do vậy xây dựng một khung khổ chính sách đơn giản, ổn định và dễ phán đoán có ý nghĩa quan trọng trong việc thu hút vốn đầu tư từ các nhà đầu tư tổ chức và tư nhân để xanh hóa nền kinh tế. Để thực hiện mục tiêu này Chính phủ Anh đã đưa ra hàng loạt các sáng kiến hướng tới việc tháo gỡ những rào cản đối với đầu tư xanh thông qua việc đơn giản hóa thủ tục, hỗ trợ quản trị rủi ro, phát triển kỹ năng và kinh nghiệm trong các dự án xanh. Chính phủ cũng tiến hành báo cáo thường xuyên nhằm đánh giá tiến trình thực hiện chiến lược chuyển đổi sang mô hình kinh tế xanh của Anh để rút ra những điều chỉnh cần thiết và kịp thời.

Những cam kết và chính sách của Chính phủ Anh đã đóng vai trò quan trọng trong việc huy động nguồn vốn xanh công cộng từ các định chế quốc tế hay các ngân hàng phát triển song phương và đa phương. Theo đánh giá của Ủy ban Kinh tế Xã hội Châu Á - Thái Bình Dương của Liên Hợp Quốc (UNESCAP) thì các nhà đầu tư tổ chức kiểm soát nguồn vốn trị giá 110 nghìn tỷ USD trên toàn cầu và là nguồn vốn lớn nhất trong các nguồn tài trợ cho hệ thống tài chính xanh. Nhìn chung các nhà đầu tư thường không ưa thích rủi ro và do đó thường lựa chọn đầu tư vào các quốc gia mà Chính phủ có khả năng duy trì sự ổn định chính sách lâu dài. Bởi vậy việc Chính phủ Anh công bố những cam kết và tích cực thực hiện chiến lược và kế hoạch phát triển xanh của mình đã tạo ra nhiều cơ hội thu hút nguồn vốn xanh từ các nhà đầu tư.

Thêm vào đó các biện pháp tích cực của Chính phủ Anh trong triển khai hệ thống tài chính xanh đã góp phần thu hút nguồn vốn từ khu vực tư nhân thực hiện đầu tư xanh. Một trong những ví dụ cụ thể về cam kết xây dựng hệ thống tài chính xanh là việc Chính phủ Anh thành lập Ngân hàng đầu tư xanh vào năm 2010 để hỗ trợ đầu tư cho các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng xanh mà thị trường không thể tài trợ được do lo ngại những rủi ro đi kèm. Ngân hàng đầu tư xanh đánh giá tiềm năng của dự án trên cơ sở sự chắc chắn, hiệu quả đầu tư và mức độ đáp ứng các yêu cầu thân thiện với môi trường. Những lĩnh vực đầu tư chủ yếu của ngân hàng bao gồm năng lượng tái tạo, giao thông, xử lý rác và nguồn nước... Ngân hàng ưu tiên cho các dự án cơ sở hạ tầng xanh có rủi ro thấp, giá trị thương mại cao.

Ngân hàng đầu tư xanh của Anh đã đi vào hoạt động năm 2012 với mức vốn điều lệ trị giá 3,8 tỷ bảng Anh. Ngoài việc trực tiếp thực hiện tài trợ xanh thì mục tiêu quan trọng khác của Ngân hàng là thu hút nguồn vốn từ khu vực tư nhân đầu tư vào khu vực xanh, cụ thể là khoảng 18 tỷ bảng Anh cho năm tài khóa 2015 - 2016.

Đối với các nhà đầu tư tư nhân thì vấn đề chi phí và lợi ích có ý nghĩa quan trọng trong quyết định đầu tư của mình. Do đó việc thu hút các nhà đầu tư tư nhân tài trợ cho các dự án xanh phụ thuộc vào mức độ hài lòng của họ khi thực hiện đánh giá lợi ích - chi phí các khoản đầu tư đó. Vì vậy mọi hoạt động của Chính phủ có thể loại trừ bớt tính bất ổn và rủi ro, gia tăng sự đảm bảo cho các khoản lợi nhuận dự kiến có được từ dự án sẽ tăng khả năng thuyết phục nhà đầu tư. Số lượng đầu tư từ phía Chính phủ dù chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ nhưng vẫn có thể là chất xúc tác đối với hoạt động của khu vực tư nhân. Theo đánh giá của UNESCAP, một khoản đầu tư của Chính phủ trị giá 10 tỷ USD cho biến đổi khí hậu có thể kêu gọi khoảng 50 - 150 tỷ USD từ khu vực tư nhân. Như vậy trong trường hợp của Anh thì thông qua việc thành lập và hoạt động của Ngân hàng đầu tư xanh, Chính phủ Anh hướng tới mục tiêu khuyến khích nguồn vốn tư nhân cho các dự án xanh nhằm gia tăng quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh của quốc gia này.

3. Hệ thống tài chính xanh của Trung Quốc

Theo tính toán của Ngân hàng Nhân dân Trung Hoa, dự kiến trong vòng 5 năm tới Trung Quốc sẽ cần tới 320 tỷ USD hàng

năm cho đầu tư xanh nhằm đáp ứng các mục tiêu bảo vệ môi trường của nước này. Tuy nhiên nguồn ngân sách nhà nước hiện chỉ có thể đáp ứng 15% nhu cầu; bởi vậy hệ thống tài chính sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc luân chuyển vốn và huy động nguồn vốn cá nhân đầu tư vào các lĩnh vực xanh. Vào tháng 4/2015, Ngân hàng Nhân dân Trung Hoa đã công bố Chương trình xanh hóa thị trường tài chính của mình theo hướng cơ cấu lại hệ thống tài chính Trung Quốc nhằm đáp ứng các nhu cầu của nền kinh tế xanh và phát triển bền vững.

Để thực hiện các mục tiêu của chương trình này Chính phủ Trung Quốc đã phân tích sự khác biệt trong hoạt động của hệ thống tài chính của mình so với các quốc gia khác để tìm ra nguyên nhân của những cản trở khi áp dụng mô hình hệ thống tài chính xanh. Trên cơ sở những thông lệ quốc tế phù hợp nhất đối với Trung Quốc cũng như căn cứ vào việc nghiên cứu những chính sách và kinh nghiệm nhiều quốc gia trên thế giới khi triển khai hệ thống tài chính xanh, Chính phủ Trung Quốc đã đưa ra các công cụ và hướng dẫn mà các định chế tài chính có thể vận dụng để xanh hóa hệ thống tài chính, cũng như đề xuất một số hàm ý chính sách khơi thông dòng vốn đầu tư xanh.

Chương trình xanh hóa hệ thống tài chính tập trung một số trọng tâm như: (1) hình thành những cơ chế tài chính khuyến khích đầu tư xanh; (2) xây dựng những định chế chuyên thực hiện các hoạt động đầu tư và cho vay xanh; (3) cung cấp các sản phẩm và kênh tài trợ xanh; (4) đảm bảo sử dụng tài chính công một cách có hiệu quả để

khuyến khích dòng tài chính tư nhân; (5) hình thành cơ sở hạ tầng thông tin hỗ trợ nhà đầu tư đánh giá tác động môi trường tới các khoản đầu tư ví dụ như hệ thống chỉ số tín dụng xanh, các quy định công bố thông tin môi trường.

Đối với mỗi trọng tâm trong Chương trình xanh hóa hệ thống tài chính, Chính phủ Trung Quốc lại có những kế hoạch triển khai cụ thể, như xây dựng cơ chế tài chính khuyến khích đầu tư xanh (sử dụng các nguồn vốn xanh huy động được để tài trợ cho các chính sách xanh của Nhà nước). Mục tiêu của những chính sách này là khuyến khích triển khai các sáng kiến và dự án về môi trường (liên quan tới việc điều chỉnh hoặc giảm bớt tác động tiêu cực tới môi trường). Chính sách xanh bao gồm cả khung luật pháp tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư tư nhân và thị trường tài chính có thể cấp vốn cho các khu vực xanh của nền kinh tế (như các chính sách thuế/phí môi trường, thuế/phí tài nguyên, các khoản hỗ trợ, miễn giảm, ưu đãi thuế/phí khuyến khích doanh nghiệp).

4. Hệ thống tài chính xanh của Việt Nam

Quá trình phát triển kinh tế ở Việt Nam thời gian qua dựa nhiều vào khai thác tài nguyên, xuất khẩu nguyên liệu thô và sơ chế gây thiệt hại cho môi trường và gia tăng tác động của biến đổi khí hậu. Theo dự đoán của IEA, mức phát thải khí CO₂ tại Việt Nam sẽ tăng từ hơn 113 triệu tấn trong năm 2010 lên tới gần 471 triệu tấn vào năm 2030. Nếu không tăng cường công tác BVMT thì trong 10 năm tới do GDP của

Việt Nam tăng gấp 2 nên mức độ ô nhiễm tăng gấp 3 lần và đến năm 2050 có thể tăng từ 4 - 5 lần.

Theo Báo cáo của UNEP (2013) thì Việt Nam có mức độ sử dụng nguyên liệu thô trong nước (than, dầu, thép) để sản xuất ra một đơn vị GDP vào loại cao nhất thế giới. Trong khi thế giới ngày càng ít sử dụng nguyên liệu thô để tạo ra một đơn vị GDP thì Việt Nam lại gia tăng tỷ lệ này. Nếu như năm 1990, Việt Nam sử dụng khoảng hơn 8 kg nguyên liệu thô để tạo ra 01 USD GDP thì con số này đến năm 2008 là khoảng 13 kg, trong khi con số tương ứng để tạo ra 01 USD GDP trung bình của thế giới năm 1990 là 1,8 kg tới năm 2008 chỉ còn khoảng 1,5 kg.

Mô hình tăng trưởng hiện nay của Việt Nam rõ ràng là không bền vững. Bởi vậy trong chiến lược phát triển giai đoạn 2011 - 2020, Việt Nam đã xác định phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, trong đó đổi mới mô hình tăng trưởng chuyển dịch từ nền kinh tế nâu sang nền kinh tế xanh là một trong những nhiệm vụ trọng tâm.

Mặc dù vấn đề xây dựng hệ thống tài chính xanh chưa được đề cập tới một cách chính thức nhưng trong những nỗ lực thực hiện chuyển đổi mô hình kinh tế xanh của Chính phủ cho thấy sự phát triển của hệ thống tài chính xanh như sau:

+ *Huy động nguồn vốn xanh*: Để huy động và sử dụng nguồn vốn BVMT có hiệu quả Việt Nam đã ban hành một loạt văn bản pháp luật liên quan đến thuế và phí hỗ trợ phát triển kinh tế xanh (như Luật Thuế bảo vệ môi trường số 57/2010/QH12; Nghị định

số 87/2010/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 13 tháng 8 năm 2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu; Luật số 50/2010/QH12 về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 08 năm 2007 về một số cơ chế tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 sửa đổi Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (số 32/2013/QH13; Thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật Đầu tư số 67/2014/QH13; Nghị định số 04/2009/NĐ-CP về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường; Nghị định số 25/2013/NĐ-CP về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; Nghị định số 59/2007/NĐ-CP về quản lý chất thải rắn; Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt Nam).

Để hỗ trợ nguồn lực tài chính cho các hoạt động đầu tư xanh, năm 2002 Chính phủ đã thành lập Quỹ bảo vệ môi trường trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chức năng chủ yếu của Quỹ BVMT là cho vay lãi suất ưu đãi, tài trợ, hỗ trợ lãi suất cho các chương trình, dự án, các hoạt động, nhiệm vụ bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu không nằm trong kế hoạch ngân sách trên phạm vi toàn quốc.

Nguồn vốn hoạt động của Quỹ BVMT được huy động từ nhiều nguồn khác nhau. Ngoài nguồn vốn điều lệ do ngân sách nhà nước cấp, hàng năm Quỹ được bổ sung vốn từ các nguồn phí, lệ phí và các khoản bồi thường thiệt hại về môi trường, các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện, ủy thác

đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dành cho lĩnh vực bảo vệ môi trường và ứng phó khí hậu, tiền lãi từ hoạt động cho vay...

Đối tượng được hỗ trợ tài chính từ Quỹ BVMT là tổ chức cá nhân có các dự án đầu tư hoặc phương án đề nghị tài trợ thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường mang tính quốc gia, liên ngành, liên vùng hoặc giải quyết các vấn đề môi trường cục bộ nhưng phạm vi ảnh hưởng lớn.

+ *Sử dụng nguồn vốn xanh*: Trong quá trình đánh giá lựa chọn dự án đầu tư, Việt Nam bước đầu đã tính đến tính hiệu quả dài hạn của đầu tư trong đó có tác động đến môi trường. Tại các cấp từ Trung ương tới một số địa phương đã có chủ trương ưu tiên đầu tư vào ngành sản xuất năng lượng tái tạo, thực hiện hiệu quả hơn chính sách trợ giúp cho phát triển năng lượng tái tạo. Chính phủ có chủ trương ưu tiên đầu tư công hoặc khuyến khích đầu tư tư nhân cho các dự án phát triển hạ tầng xanh, cải thiện hệ sinh thái, phát triển rừng...

+ *Xây dựng thị trường tài chính xanh*: Việt Nam cũng thực hiện một số bước trong chủ trương xanh hóa các thành phần trong thị trường tài chính hiện hành. Ví dụ như trong phạm vi Dự án Cải cách khu vực tài chính xanh của Chương trình cải cách kinh tế vĩ mô/tăng trưởng xanh do Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức (GIZ) tài trợ thì GIZ sẽ hợp tác với Ủy ban Chứng khoán (UBCK) Việt Nam trong giai đoạn 2015 - 2017 để triển khai thực hiện Module Phát triển thị trường

vốn xanh. Mục tiêu của hoạt động này là xây dựng các chính sách và quy định nhằm hỗ trợ huy động vốn trên thị trường vốn phục vụ cho đầu tư xanh (bao gồm: xây dựng chính sách niềm yết xanh; xây dựng đề án phát triển các sản phẩm tài chính xanh như chỉ số xanh, trái phiếu xanh, quỹ đầu tư xanh).

5. Hàm ý chính sách về xây dựng hệ thống tài chính xanh cho Việt Nam

Thứ nhất, cần kết hợp với chiến lược phát triển xanh cũng như chiến lược phát triển chung của chính phủ. Chính phủ cần xem xét điều chỉnh hệ thống luật pháp hiện hành và xây dựng các quy định mới cho phù hợp với thông lệ quốc tế theo xu hướng phát triển hệ thống tài chính xanh. Mặt khác hệ thống tài chính xanh có nhiều đặc điểm khác biệt so với hệ thống tài chính hiện nay nên Chính phủ cũng đồng thời cần nâng cao năng lực quản lý của các cơ quan nhà nước và đầu tư nhằm hỗ trợ quản lý hệ thống tài chính xanh.

Thứ hai, cần triển khai hệ thống tài chính xanh theo hướng cho phép các đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tài chính tiền tệ (thuộc chính quyền, doanh nghiệp, hiệp hội, tổ chức đào tạo...) trong phạm vi quyền hạn của mình sẵn sàng tạo lập một môi trường khuyến khích hoặc có khả năng cung cấp sản phẩm và dịch vụ tài chính cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi chuyển đổi từ nền kinh tế truyền thống sang nền kinh tế xanh.

Thứ ba, cần đánh giá hệ thống tài chính xanh dưới góc độ lợi ích và chi phí. Mục tiêu hoạt động chính của doanh nghiệp là tối đa hóa lợi nhuận. Tuy nhiên có dự án hay hoạt động đem lại lợi nhuận cao nhất

cho doanh nghiệp nhưng gây tác hại lớn cho môi trường và không tạo ra lợi ích lớn nhất cho xã hội. Như vậy mục tiêu xây dựng mô hình tài chính xanh cũng phải hướng tới việc giảm bớt hoạt động sản xuất và tiêu dùng hàng hóa và sản phẩm có hại cho môi trường và gia tăng hoạt động sản xuất và tiêu dùng những hàng hóa sạch, thân thiện với môi trường.

Thứ tư, cần hỗ trợ nâng cao ý thức BVMT của người tiêu dùng thông qua việc thay đổi thói quen tiêu dùng hàng hóa và sản phẩm xanh. Người tiêu dùng đóng vai trò quan trọng đối với sự cân bằng cung - cầu trên thị trường. Sở thích của người tiêu dùng ảnh hưởng tới giá hàng hóa và dịch vụ trên thị trường. Đối với đại đa số người tiêu dùng ở các nước phát triển thì giá và đặc tính của hàng hóa và dịch vụ không phải là yếu tố duy nhất mà họ cân nhắc trong các quyết định mua sắm và sử dụng hàng hóa và dịch vụ. Thay vào đó họ xem xét tới yếu tố đạo đức và trách nhiệm xã hội của hàng hóa và dịch vụ như cách thức sản xuất hàng hóa và dịch vụ, sự an toàn của môi trường sản xuất, tỷ lệ sử dụng lao động trẻ em hoặc các vấn đề bất hợp pháp hay đáng ngờ khác. Nếu như tồn tại những vấn đề như vậy thì người sử dụng sẽ không mua hay sử dụng mặc dù các hàng hóa và dịch vụ đó có mức giá thấp.

Những biện pháp như xây dựng một mạng lưới trách nhiệm xã hội, quy định yêu cầu các công ty thông báo những hoạt động gây tác động xấu tới môi trường của mình, triển khai các chương trình đào tạo về tiêu dùng xanh... sẽ hỗ trợ gia tăng nhận thức và trách nhiệm của người tiêu dùng ý thức BVMT. Người tiêu dùng sẽ gia tăng nhu

cầu đối với hàng hóa và dịch vụ xanh, làm thị trường đạt tới điểm cân bằng mới, làm tăng giá hàng hóa và dịch vụ xanh. Chính phủ sẽ cung cấp trợ giá cho các hàng hóa và dịch vụ này và điều này góp phần khuyến khích doanh nghiệp cung cấp và sản xuất các dịch vụ và hàng hóa xanh.

Thứ năm, cần phải có những bổ sung phù hợp các cơ chế chính sách, hệ thống luật pháp liên quan đến BVMT nhằm tăng nguồn thu hiện hành. Hiện nay chúng ta đã có Thuế bảo vệ môi trường, Thuế tài nguyên, Nghị định thu phí nước thải, Nghị định chi trả dịch vụ môi trường, Nghị định bồi hoàn thiệt hại môi trường... Tuy nhiên những văn bản này còn có nhiều bất cập và chồng chéo, nhất là Luật Thuế bảo vệ môi trường và Thuế tài nguyên. So với các nước khác, thuế suất tài nguyên của nước ta còn thấp, nhất là đối với các kim loại quý hiếm nên cần phải điều chỉnh tăng. Mức tính thuế và phí môi trường còn chưa phù hợp.

Khi điều chỉnh hoặc ban hành các quy định thuế/phí bảo vệ môi trường chúng ta cần cân nhắc và lưu ý một số vấn đề sau đây: quy mô đánh thuế phải rộng bao hàm một cách toàn diện quy mô thiệt hại về môi trường, phải nhằm vào mọi chất ô nhiễm/hành động gây ô nhiễm và không nên có hoặc chỉ hạn chế rất ít trường hợp được miễn trừ; mức thuế suất phải được xây dựng trên một cơ sở toàn diện và đáng tin cậy trong đó mức thuế suất ít nhất phải bằng chi phí biên để xử lý ô nhiễm; số thu về thuế môi trường phải hỗ trợ giảm bớt số thu từ các loại thuế khác; cần phải cân nhắc tác động của thuế với những chính sách khác và cần phải kết hợp với những công cụ chính sách khác.

Thứ sáu, cần xây dựng những chính sách ưu đãi (nhất là ưu đãi về thuế, phí, cho vay tài chính phù hợp cho khu vực doanh nghiệp) nhằm khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ theo hướng công nghệ xanh. Điều này là cần thiết vì các chi phí xây dựng, xử lý hệ thống giảm thiểu ô nhiễm môi trường hoặc để sản xuất sạch thường khá lớn, gây khó khăn không nhỏ cho các doanh nghiệp muốn triển khai những hệ thống này, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ vốn chiếm đa số trong nền kinh tế Việt Nam. Các ưu đãi về thuế hiện nay chưa đủ mạnh để khuyến khích doanh nghiệp giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Thứ bảy, cần xem xét áp dụng những chế tài xử phạt đối với những hành vi vi phạm quy định bảo vệ môi trường. Các doanh nghiệp có xu hướng chạy theo mục tiêu lợi nhuận mà cố tình bỏ qua những tác hại đối với môi trường, trong khi đó hiện nay chưa có chế tài đủ mạnh để ngăn chặn những hành vi bất lợi cho môi trường.

6. Kết luận

Xây dựng và phát triển hệ thống tài chính xanh nhằm huy động nguồn lực cần thiết cho tăng trưởng xanh đã và đang được nhiều quốc gia trên thế giới triển khai. Tuy vậy, để làm được điều đó đòi hỏi các quốc gia, trong đó có Việt Nam, phải có những cơ chế, chính sách phù hợp, phải rà soát lại các chủ trương, chính sách, hệ thống luật

pháp hiện hành liên quan đến huy động nguồn lực tài chính đầu tư cho phát triển ngành và các lĩnh vực gắn với tăng trưởng xanh. Thực tiễn triển khai hệ thống tài chính xanh tại Anh và Trung Quốc góp phần tìm ra lời giải cho bài toán huy động nguồn lực để xanh hóa nền kinh tế hay sử dụng nguồn lực như thế nào cho hiệu quả để xây dựng nền kinh tế xanh.

Tài liệu tham khảo

- [1] Thủ tướng Chính phủ (2012), *Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050*, ban hành theo Quyết định số 1393/2012/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2012.
- [2] Thủ tướng Chính phủ (2014), *Phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020*, ban hành theo Quyết định số 403/2014/QĐ-TTg ngày 20 tháng 3 năm 2014.
- [3] Green Finance Task Force (2015), *Establishing China's Green Financial System*.
- [4] House of Commons Environmental Audit Committee (2014), *Green Finance*.
- [5] Ron Benioff, GGGI, *Green Growth in Practice: Lessons from Country Experiences*, 23 May 2014.
- [6] UN Economic and Social Commission for Asia and the Pacific (2010), *Financing an Inclusive and Green Future: A Supportive Financial System and Green Growth for Achieving the Millennium Development Goals in Asia and the Pacific*.
- [7] UNEP (2013), *Recent trends in material flows and resource productivity in Asia and the Pacific*.